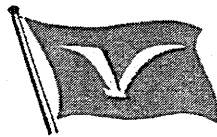


TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2019

TOÀN CÔNG TY

ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

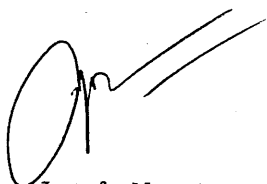
DANH MỤC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ II NĂM 2019

Toàn Công ty

STT	BIỂU SỐ	NỘI DUNG BIỂU	KỲ BÁO CÁO	TRANG
1	B01-DN	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	QUÝ II NĂM 2019	1-2
2	B02-DN	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	QUÝ II NĂM 2019	3-3
3	B03-DN	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	QUÝ II NĂM 2019	4-4
4	B09-DN	BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	QUÝ II NĂM 2019	5-21

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC



Wương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

QUÝ II NĂM 2019*Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019*

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2019 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2019 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		148.148.685.133	137.277.337.873
(100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)				
I - Tiền	110	V.1	26.875.904.862	27.652.496.804
1 - Tiền	111		26.875.904.862	27.652.496.804
II - Các khoản đầu tư TC ngắn hạn	120	V.2	-	-
III - Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.299.586.166	48.868.497.747
1 - Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	45.519.382.267	31.677.696.447
2 - Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		774.846.928	621.963.795
6 - Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	20.433.531.725	17.997.012.259
7 - Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi(*)	137	V.5	(1.428.174.754)	(1.428.174.754)
IV - Hàng tồn kho	140		39.385.993.809	42.121.788.783
1 - Hàng tồn kho	141	V.6	39.385.993.809	42.121.788.783
2 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V - Tài sản ngắn hạn khác	150		16.587.200.296	18.634.554.539
1 - Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.12	2.428.476.197	2.960.822.434
2 - Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.784.579.182	7.299.587.188
3 - Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	8.374.144.917	8.374.144.917
4 - Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5 - Tài sản ngắn hạn khác	155			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		537.682.230.943	573.036.241.591
(200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)				
I - Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II - Tài sản cố định	220		514.637.239.927	558.537.150.107
1 - Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	514.637.239.927	558.537.150.107
- Nguyên giá	222		1.474.306.568.833	1.535.354.033.020
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(959.669.328.906)	(976.816.882.913)
2 - Tài sản cố định thuê tài chính	224			
3 - Tài sản cố định vô hình	227	V.9		
- Nguyên giá	228		238.654.500	238.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(238.654.500)	(238.654.500)
III - Bất động sản đầu tư	230	V.11	430.992.522	-
- Nguyên giá	231		6.636.446.595	5.785.803.477
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6.205.454.073)	(5.785.803.477)
IV - Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	763.686.291	589.338.109
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		763.686.291	589.338.109
V - Đầu tư tài chính dài hạn	250		4.292.661.205	4.306.829.805
3 - Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2	5.998.468.525	5.998.468.525
4 - Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.2	(1.705.807.320)	(1.691.638.720)
V - Tài sản dài hạn khác	260		17.557.650.998	9.602.923.570
1 - Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	17.557.650.998	9.602.923.570
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		685.830.916.076	710.313.579.464

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số : B01-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NGÀY 30/06/2019 TOÀN CÔNG TY	NGÀY 01/01/2019 TOÀN CÔNG TY
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		624.367.289.224	675.517.202.511
I - Nợ ngắn hạn	310		270.288.086.584	289.499.218.179
1 - Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	56.810.540.198	73.891.749.073
2 - Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	7.672.550.000
3 - Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	3.026.761.272	2.991.475.697
4 - Phải trả người lao động	314		10.540.940.630	12.315.614.258
5 - Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	2.252.154.447	2.761.887.590
8 - Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.19	9.344.374.439	14.290.280.687
9 - Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	35.749.369.393	34.845.853.584
10 - Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	150.219.899.105	137.682.493.190
12 - Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.344.047.100	3.047.314.100
II - Nợ dài hạn	330		354.079.202.640	386.017.984.332
7 - Phải trả dài hạn khác	337	V.18	103.534.657.640	100.164.979.332
8 - Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	250.544.545.000	285.853.005.000
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		61.463.626.852	34.796.376.953
I - Vốn chủ sở hữu	410	V.21	61.463.626.852	34.796.376.953
1 - Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
8 - Quỹ đầu tư phát triển	418		82.932.721.854	82.932.721.854
11 - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(221.469.095.002)	(248.136.344.901)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(212.801.595.050)	(281.360.367.257)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(8.667.499.952)	33.224.022.356
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		685.830.916.076	710.313.579.464

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP BIỂU

Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Hương



TỔNG GIÁM ĐỐC

VƯƠNG NGỌC SƠN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số : B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

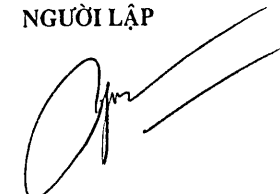
QUÝ II NĂM 2019

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2019

Đơn vị tính: VNĐ

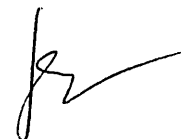
CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	Thuyết minh	QUÝ II NĂM 2019		LUY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			QUÝ II NĂM 2019	QUÝ II NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018
1	2	3	4	5	6	7
1- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.24	173.710.086.355	180.468.797.282	360.649.483.924	361.467.693.207
2- Các khoản giảm trừ	02		-	-	-	-
3 - Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.26	173.710.086.355	180.468.797.282	360.649.483.924	361.467.693.207
4 - Giá vốn hàng bán	11	VI.27	168.123.367.770	163.617.642.406	331.448.238.329	340.697.526.752
5 - Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.586.718.585	16.851.154.876	29.201.245.595	20.770.166.455
6 - Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.28	226.280.909	3.417.035.961	275.808.843	3.817.627.686
7 - Chi phí tài chính	22	VI.29	5.846.592.642	12.340.749.475	10.619.023.812	22.093.620.223
Trong đó : Chi phí lãi vay	23		4.517.075.981	9.294.593.778	9.141.370.533	18.096.805.119
8 - Chi phí bán hàng	25	VI.32	2.868.143.093	2.009.097.140	6.251.297.941	5.547.988.073
9 - Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.32	5.887.964.848	5.375.097.569	11.885.765.409	10.536.724.099
10 - Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(8.789.701.089)	543.246.653	720.967.276	(13.590.538.254)
30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)			-	-	-	-
11 - Thu nhập khác	31	VI.30	122.210.618	182.285	26.016.380.024	187.508
12 - Chi phí khác	32	VI.31	9.481	1.927.425.045	70.097.401	1.929.525.186
13 - Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		122.201.137	(1.927.242.760)	25.946.282.623	(1.929.337.678)
14 - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50= 30 + 40)	50		(8.667.499.952)	(1.383.996.107)	26.667.249.899	(15.519.875.932)
15 - Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-	-	-
16 - Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17 - Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51-52)	60		(8.667.499.952)	(1.383.996.107)	26.667.249.899	(15.519.875.932)
18 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(433)	(69)	1.333	(776)
19 - Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(433)	(69)	1.333	(776)

NGƯỜI LẬP



Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Hương

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2019



TỔNG GIÁM ĐỐC



Vương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP.Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số : B03 -DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ II NĂM 2019

Đơn vị tính : đồng

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý II	
			06 THÁNG NĂM 2019	06 THÁNG NĂM 2018
1	2	3	4	5
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1 - Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		348.497.061.312	405.793.694.878
2 - Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(292.070.200.004)	(302.659.927.857)
3 - Tiền chi trả cho người lao động	03		(42.379.551.127)	(37.098.132.871)
4 - Tiền chi trả lãi vay	04		(2.331.736.957)	(1.311.786.053)
5 - Tiền chi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.552.934.473	42.251.225.159
7 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(20.408.108.513)	(25.964.020.785)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20		(2.139.600.816)	81.011.052.471
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1 - Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(1.585.651.818)	(629.768.182)
2 - Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		26.862.363.637	-
3 - Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4 - Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	10.554.993.400
5 - Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6 - Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7 - Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		21.146.430	709.986.196
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		25.297.858.249	10.635.211.414
III - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
3 - Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	VII	7.480.000.000	1.940.000.000
4 - Tiền chi trả nợ gốc vay	34	VII	(31.365.000.000)	(63.920.000.000)
6 - Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.885.000.000)	(61.980.000.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (50 = 20+30+40)	50		(726.742.567)	29.666.263.885
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60		27.652.496.804	25.000.672.722
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(49.849.375)	31.308.227
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ (70 = 50+60+61)	70		26.875.904.862	54.698.244.834

Lập ngày 15 tháng 07 năm 2019

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương



Hương Ngọc Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Mẫu số B09-DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUY II NĂM 2019

I - ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1- Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần vốn Nhà nước 51 %

- Đại diện phần vốn Nhà nước là Tổng công ty Hàng hải Việt nam
- Công ty có trụ sở chính đặt tại địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ ,phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty có các đơn vị phụ thuộc sau :

+ Các chi nhánh :

Chi nhánh Hồ Chí Minh tại 5E Nguyễn Đình Chiểu, quận I, Tp Hồ Chí Minh

Chi nhánh Đà Nẵng tại 26 Nguyễn chí Thanh, thành phố Đà Nẵng

Chi nhánh Quảng ninh tại 73 Lê Thánh Tông, thành phố Hạ Long

+ Các xí nghiệp :

XN dịch vụ vận tải tại số địa chỉ số 1 Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

XN xếp dỡ vận tải và dịch vụ tại 280 Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Tại thời điểm 30/06/2019, Công ty có tổng số cán bộ công nhân viên là 542 người.

2- Lĩnh vực kinh doanh : vận tải đường biển

3- Ngành nghề kinh doanh :

- Kinh doanh vận tải biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; dịch vụ đại lý vận tải đường biển; dịch vụ giao nhận,nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ khai thuế hải quan; dịch vụ môi giới thuê tàu biển; môi giới hàng hải; dịch vụ cung ứng tàu biển; dịch vụ logistics; đại lý vé máy bay, vé tàu; dịch vụ môi giới vận tải; dịch vụ vận tải đa phương thức; đại lý container; khai thác cảng, biển; dịch vụ quản lý tàu;
- Dịch vụ hợp tác lao động ;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày : khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ ;
- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn kinh doanh phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa;...

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

4- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong Quý II năm 2019 có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính :

Tại thị trường truyền thống Đông Nam á của công ty, các đơn hàng gạo nhập khẩu vào Philippines có giá cước cao đã kết thúc trong tháng 1/2019 và ảnh hưởng của kỳ nghỉ Tết Âm lịch kéo dài tại Trung Quốc và Việt Nam khiến các đơn hàng khác như xi măng, sắt thép, phân bón hầu như bị đình trệ. Thêm vào đó, một số chân hàng như xi măng nhập khẩu Philippines, rock phosphate cũng gặp biến động giảm mạnh về nhu cầu vận chuyển do yếu tố mùa vụ và thay đổi chính sách nhập khẩu. Tất cả những yếu tố bất lợi đó đã khiến thị trường cước tàu hàng khô trong khu vực không những suy giảm về cầu mà cả về giá cước biển. Hơn nữa, trong quý 2, Công ty có 01 tàu đến hạn lên đà sửa chữa định kỳ với tổng thời gian tàu dừng khai thác là 45 ngày. Do vậy, doanh thu vận tải biển giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái.

II – KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN :

- 1- Kỳ kế toán năm : bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 của năm. Kỳ kế toán quý II năm 2019 bắt đầu từ ngày 01/04/2019 đến 30/06/2019.
- 2- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt nam.

III – CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Chế độ kế toán áp dụng : Theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC. Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2- Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán :

- Công ty tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt nam đã được công bố.
- Công ty thực hiện theo đúng quy định của chế độ kế toán hiện hành.

3- Hình thức kế toán áp dụng :

- Tổ chức công tác kế toán nửa tập trung, nửa phân tán.
- Hình thức sổ kế toán áp dụng : Phần mềm kế toán.

IV- CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG :

1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền, tương đương tiền; nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán :

- Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền : các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

- Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán:

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép là Đồng Việt nam. Đối với nghiệp vụ liên quan đến tiền, các khoản phải thu, phải trả đồng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt nam. Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo Tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình nơi doanh nghiệp thường xuyên có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ đảm bảo chênh lệch không vượt quá $\pm 1\%$ so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Cuối niên độ kế toán quý, năm đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Đối với các khoản tiền gửi và tiền vay tại các ngân hàng: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.
- Đối với các khoản phải thu, phải trả khác: đánh giá theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên giao dịch.

2- Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho :

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho : theo giá gốc.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho : giá đích danh
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho : kê khai thường xuyên
- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho : thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT/BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

Việc quản lý hàng tồn kho theo chuẩn mực kế toán số 02.

3- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ :

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình , vô hình : Theo chuẩn mực kế toán 03,04 và thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực TT 89/2002/TT-BTC ngày 9/10/2002 của Bộ tài chính; thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013, thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính. Ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình theo nguyên giá. Trong Bảng cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại.

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính : theo Chuẩn mực số 06; Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của Bộ Tài chính.

- Phương pháp khấu hao và thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ hữu hình và vô hình : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

4- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao Bất động sản đầu tư :

- Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư : theo Chuẩn mực số 05- Bất động sản đầu tư và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 23/2005/TT-BTC -30/3/2005 của Bộ Tài Chính. Ghi nhận bất động sản đầu tư theo nguyên giá.

- Nguyên tắc và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư : trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng và xác định thời gian sử dụng hữu ích TSCĐ thực hiện theo thông tư số 45/2013/TT- BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính.

5- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào Công ty con theo Chuẩn mực số 25, Công ty liên kết theo Chuẩn mực số 07, Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo Chuẩn mực số 08.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn : Các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm, được ghi nhận theo giá gốc.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn : Các khoản đầu tư có thời thu hồi vốn từ 1 năm trở lên. Ghi nhận các khoản đầu tư tài chính theo giá gốc.

- Tại ngày lập báo cáo tài chính, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Dự phòng giảm giá chứng khoán, hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán được thực hiện theo thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính.

6- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay :

- Chính sách kế toán được áp dụng cho chi phí đi vay: Thực hiện theo chuẩn mực 16 “ Chi phí đi vay” và Thông tư hướng dẫn chuẩn mực TT105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 : Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá. Việc vốn hoá chi phí đi vay vào giá trị tài sản dở dang được bắt đầu khi phát sinh chi phí đi vay trong thời gian đầu tư xây dựng, sản xuất dở dang cho đến tài sản đầu tư đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

7- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác :

- Chi phí trả trước : Khi phát sinh khoản chi phí lớn, có liên quan đến nhiều kỳ hạch toán kế toán.

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước : Từng kỳ hạch toán, kế toán phân bổ chi phí trả trước cho số kỳ liên quan.

Chi phí sửa chữa lớn tàu biển sau khi hoàn thành sửa chữa sẽ được phân bổ vào chi phí trong thời gian tối đa 03 năm.

8- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả :

Các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất , kinh doanh của kỳ báo cáo.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả :

- Nguyên tắc ghi nhận : theo chuẩn mực số 18 “ Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng” : Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút về những lợi ích kinh tế ; có một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

- Phương pháp ghi nhận : được hướng dẫn tại Thông tư số 21/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 : Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Khoản dự phòng phải trả được lập vào cuối niên độ kế toán.

10- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu , thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu :

+ Vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

+ Thặng dư vốn cổ phần : ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu.

+ Vốn khác của chủ sở hữu: ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân biếu tặng sau khi trừ đi khoản thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá : Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, thông tư 53/2016/TT-BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối : chênh lệch giữa doanh thu, thu nhập trừ đi chi phí, thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm nay; các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước được hạch toán vào lợi nhuận chưa phân phối.

11- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận theo Chuẩn mực số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác”, Thông tư hướng dẫn Chuẩn mực số 105/2003/TT-BTC ngày 4/11/2003 của BTC.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu bán hàng : Khi Công ty đã chuyển giao quyền sở hữu hàng hoá, sản phẩm và xuất hoá đơn bán hàng, được người mua chấp nhận thanh toán.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ : Khi công ty hoàn thành việc cung cấp dịch vụ cho người mua; hoàn thành hợp đồng. Đối với trường hợp hoạt động dịch vụ diễn ra trong nhiều kỳ, doanh thu sẽ được phân bổ theo tỷ lệ hoàn thành tại ngày cuối kỳ.

- Nguyên tắc ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính :

+ Đối với lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi đầu tư trái phiếu thì thời điểm xác định doanh thu theo thời gian của hợp đồng cho vay hoặc kỳ nhận lãi.

+ Cổ tức, lợi nhuận được chia xác định khi có quyết định, nghị quyết hoặc thông báo được chia.

+ Lãi chuyển nhượng chứng khoán.

+ Lãi bán ngoại tệ, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh xác định khi các giao dịch hoặc nghiệp vụ hoàn thành.

12- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính :

Ghi nhận chi phí tài chính các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh, lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản công nợ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính cuối quý, năm.

13- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : theo Chuẩn mực số 17, Thông tư hướng dẫn chuẩn mực số 20/2006/TT-BTC ngày 20/3/2006 của BTC.

14- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

V- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN :

	<u>Toàn Công ty</u>	<u>Toàn Công ty</u>
	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
1- Tiền		
- Tiền mặt	1.341.873.000	448.001.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.534.031.862	27.204.495.804
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>26.875.904.862</u>	<u>27.652.496.804</u>
2- Các khoản đầu tư tài chính	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-
c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	5.998.468.525	5.998.468.525
- Đầu tư cổ phiếu	5.998.468.525	5.998.468.525
<i>Chi tiết đầu tư cổ phiếu tính đến 30/06/2019</i>		
Ngân hàng TMCP Hàng Hải : 516.553 CP	4.185.040.000	4.185.040.000
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	1.276.000.000	1.276.000.000
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	537.018.920	537.018.920
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	409.605	409.605
Cộng	<u>5.998.468.525</u>	<u>5.998.468.525</u>
d) Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		
Công ty CP vận tải biển Việt nam : 60.000 CP	(1.189.000.000)	(1.178.200.000)
Công ty CP vận tải và thuê tàu biển Việt nam : 33.686 CP	(516.807.320)	(513.438.720)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt nam : 9 CP	-	-
Cộng	<u>(1.705.807.320)</u>	<u>(1.691.638.720)</u>
3- Phải thu ngắn hạn của khách hàng	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Cty CP Xi măng Cẩm Phả	-	2.934.397.400
- Công ty TNHH VT hàng công nghệ cao tại HP (Transvina)	2.719.334.045	2.503.064.096
- Cty Cổ phần Thép Hòa Phát Dung Quất	1.895.061.690	-
- Cty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	3.873.060.343	6.663.041.156
- Cty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	3.688.674.132	2.738.588.119
- Công ty CP thương mại NCL	7.272.552.363	-
- Asian chartering Shipping Co.,Ltd	5.175.360.504	-
- Teparak Inter Marine Ltd	3.125.398.200	-
- Các khoản phải thu của khách hàng khác	15.535.856.990	14.628.936.676
Cộng	<u>45.519.382.267</u>	<u>31.677.696.447</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - P.Minh Khai - Q.Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

Mẫu số B 09-DN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
4- Các khoản phải thu ngắn hạn khác		
- Tạm ứng	5.391.949.532	4.646.501.248
- Ký cược, ký quỹ	-	40.000.000
- Phải thu tiền bảo hiểm về trách nhiệm dân sự và thân tàu của tàu biển	1.357.614.771	2.298.837.062
- Phải thu về sửa chữa tàu chỉ hộ Công ty Vinashinlines	7.342.487.574	7.342.487.574
-BH trách nhiệm cao	42.894.598	-
-BH tai nạn	11.589.886	-
- Bảo hiểm xã hội	1.359.995.577	1.479.674.168
- Bảo hiểm y tế	-	9.462.967
- Bảo hiểm thất nghiệp	157.044.030	174.062.381
-Kinh phí công đoàn	4.867.272	-
- Trung tâm phát triển quỹ đất quận Lê Chân	2.983.955.413	-
- Các khoản chi hộ	1.454.096.288	1.196.468.840
- Các khoản phải thu khác	327.036.784	809.518.019
+ Phải thu khác	327.036.784	809.518.019
Cộng	<u>20.433.531.725</u>	<u>17.997.012.259</u>
5- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		
	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Liana Carrier Ltd	59.231.742	59.231.742
- Sky Ocean Shipping	484.952.633	484.952.633
- CN Bạch Đằng- Cty TNHH MTV Duyên Hải	247.550.379	247.550.379
Cộng	<u>1.428.174.754</u>	<u>1.428.174.754</u>
6- Hàng tồn kho		
	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	38.620.341.506	39.991.386.778
- Chi phí dịch vụ dở dang	543.654.855	1.910.834.647
- Hàng hoá	221.997.448	219.567.358
Cộng	<u>39.385.993.809</u>	<u>42.121.788.783</u>
7- Xây dựng cơ bản dở dang		
	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
+ XD bãi container Đình Vũ - HP	91.957.200	91.957.200
+ Chi phí XD lô đất TM8 khu vực đường Hồ Sen	671.729.091	446.639.091
Cộng	<u>763.686.291</u>	<u>589.338.109</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

8 - Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình 06 tháng năm 2018 riêng cty:

CHỈ TIÊU	NHÓM TSCĐ	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH. TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	MÁY MÓC TB	DỤNG CỤ QUẢN LÝ	TỔNG CỘNG
I - NGUYÊN GIÁ TSCĐ						
1. Số dư đầu kỳ		24.857.917.875	1.510.031.208.202	130.752.694	334.154.249	1.535.354.033.020
2. Số tăng trong kỳ		32.400.000	1.714.153.636	-	-	1.746.553.636
Trong đó :						
- Do mua sắm		32.400.000	1.714.153.636			1.746.553.636
- Đầu tư XDCB hoàn thành						-
3. Số giảm trong kỳ		850.643.118	61.943.374.705	-	-	62.794.017.823
Trong đó :						
- Thanh lý, nhượng bán			61.943.374.705			61.943.374.705
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		850.643.118				850.643.118
4. Số cuối kỳ		24.039.674.757	1.449.801.987.133	130.752.694	334.154.249	1.474.306.568.833
Trong đó :						
- Đã khấu hao hết vẫn còn sử dụng		3.713.597.924	82.479.236.753	100.752.694	334.154.249	86.627.741.620
- Chờ thanh lý						
II - GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
1. Đầu kỳ		15.266.162.695	961.109.740.662	111.328.735	329.650.821	976.816.882.913
2. Tăng trong kỳ		502.608.369	43.729.515.977	2.142.858	4.503.428	44.238.770.632
- Khấu hao		502.608.369	43.729.515.977	2.142.858	4.503.428	44.238.770.632
- Chuyển từ BDS đầu tư sang						
3. Giảm trong kỳ		411.144.165	60.975.180.474	-	-	60.975.180.474
- Thanh lý, nhượng bán			60.975.180.474			60.975.180.474
- Chuyển sang CCDC theo TT45						-
- Chuyển sang Bất động sản đầu tư		411.144.165				
4. Số cuối kỳ		15.357.626.899	943.864.076.165	113.471.593	334.154.249	959.669.328.906
III - GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
1. Đầu kỳ		9.591.755.180	548.921.467.540	19.423.959	4.503.428	558.537.150.107
2. Cuối kỳ		8.682.047.858	505.937.910.968	17.281.101	-	514.637.239.927
- Giá trị còn lại của các TSCĐ đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay			394.821.330.156			394.821.330.156

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

9- Tăng , giảm tài sản cố định vô hình 06 tháng năm 2019 toàn công ty:

NHÓM TSCĐ	QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	PHẦN MỀM MÁY VI TÍNH	TỔNG CỘNG
CHỈ TIÊU			
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Chuyển sang CCDC theo TT45			-
4 . Số dư cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	-	238.654.500	238.654.500
2 . Số tăng trong kỳ	-	-	-
- Do trích khấu hao		-	-
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số cuối kỳ	-	238.654.500	238.654.500
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	-	-	-

10 - Tăng, giảm TSCĐ thuê tài chính 06 tháng năm 2019 : Không có**11 - Tăng , giảm bất động sản đầu tư 06 tháng năm 2019 toàn công ty:**

NHÓM TS	NHÀ CỬA VẬT KIẾN TRÚC	PH.TIỆN VẬN TẢI TRUYỀN DẪN	TỔNG CỘNG
CHỈ TIÊU			
I - Nguyên giá			
1 . Số dư đầu kỳ	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong kỳ	850.643.118	-	850.643.118
3 . Số giảm trong kỳ		-	-
Trong đó :			
- Thanh lý, nhượng bán			-
4 . Số dư cuối kỳ	6.508.156.449	128.290.146	6.636.446.595
II - Giá trị hao mòn lũy kế			
1 . Số dư đầu kỳ	5.657.513.331	128.290.146	5.785.803.477
2 . Số tăng trong kỳ	419.650.596	-	419.650.596
- Do chuyển từ TSCĐ sang	411.144.165	-	411.144.165
- Do trích khấu hao	8.506.431	-	8.506.431
3 . Số giảm trong kỳ	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
4 . Số cuối kỳ	6.077.163.927	128.290.146	6.205.454.073
III - Giá trị còn lại			
1 . Số dư đầu kỳ	-	-	-
4 . Số dư cuối kỳ	430.992.522	-	430.992.522

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Toàn Công ty Ngày 30/06/2019	Toàn Công ty Ngày 01/01/2019
12- Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn		
- Chi phí bảo hiểm đội tàu	2.425.661.297	2.888.986.170
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.814.900	71.836.264
Cộng	2.428.476.197	2.960.822.434
b) Dài hạn		
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	17.557.650.998	9.602.923.570
- Chi phí trả trước dài hạn khác	-	-
Cộng	17.557.650.998	9.602.923.570
14- Vay và nợ thuê tài chính	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
a) Vay ngắn hạn	32.920.000.000	26.680.000.000
Trong đó :		
+ Vay cá nhân	32.920.000.000	26.680.000.000
b) Vay dài hạn	367.844.444.105	396.855.498.190
- Kỳ hạn từ 01 năm trở xuống	117.299.899.105	111.002.493.190
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	29.620.000.000	14.410.000.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	57.304.899.105	46.342.493.190
+ Nợ dài hạn đến hạn trả DATC	30.375.000.000	50.250.000.000
- Kỳ hạn từ 01 năm trở lên	250.544.545.000	285.853.005.000
Trong đó :		
+ Vay Ngân hàng phát triển HP	71.965.450.000	87.175.450.000
+ Vay Ngân hàng TMCP Bảo Việt	159.079.095.000	168.927.555.000
+ Nợ dài hạn DATC	19.500.000.000	29.750.000.000
Cộng	400.764.444.105	423.535.498.190
15- Phải trả người bán	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn		
Fratelli Cosulich Bunkers (HK) Ltd	7.381.156.800	-
Cockett Marine Oil	-	6.920.017.748
KPI Bridge Oil Singapore Pte Ltd	8.553.304.800	12.183.437.670
Bunkers Marine Pte Ltd	-	9.594.630.600
Cty CP dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	2.099.319.860	6.125.162.620
Cty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	2.849.580.329	4.289.939.988
Cty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	6.409.298.350	8.047.248.350
Phải trả các đối tượng khác	29.517.880.059	24.118.488.536
Cộng	56.810.540.198	73.891.749.073

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
16- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
a) Phải nộp		
- Thuế GTGT	2.965.447.196	2.956.098.817
- Thuế thu nhập cá nhân	61.314.076	35.376.880
Cộng	<u>3.026.761.272</u>	<u>2.991.475.697</u>
b) Phải thu		
- Thuế TNDN nộp thừa cho Nhà nước	8.374.144.917	8.374.144.917
Cộng	<u>8.374.144.917</u>	<u>8.374.144.917</u>
17- Chi phí phải trả	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
a) Ngắn hạn		
- Chi phí phải trả lãi vay	176.649.756	201.674.781
- Chi phí phải trả khác	2.075.504.691	2.560.212.809
	<u>2.252.154.447</u>	<u>2.761.887.590</u>
18- Phải trả khác	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
Ngắn hạn		
- Công đoàn phí	477.136.071	660.761.112
- Kinh phí công đoàn	1.038.207.535	1.362.124.222
- Bảo hiểm xã hội	-	-
- Bảo hiểm y tế	980.579	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
- Bảo hiểm ốm đau thai sản	10.829.834	7.240.234
- Thuế TNCN	80.537.265	107.837.388
- Phải trả về cổ phần hóa	-	1.801.379.706
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	10.025.305.000	10.025.305.000
- Phải trả lương tạm giữ của thuyền viên	2.783.014.089	3.160.496.716
- Phải trả lãi vay công ty mua bán nợ VN (DATC)	5.725.826.200	4.124.383.562
- Phải trả lãi vay các ngân hàng TMCP	8.524.441.755	6.526.700.738
- Khoản thu đòi bồi thường di dời trụ sở	6.326.132.567	6.345.004.007
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	756.958.498	724.620.899
Cộng	<u>35.749.369.393</u>	<u>34.845.853.584</u>
Dài hạn		
- Phải trả lãi vay NH TMCP	20.347.601.634	16.977.923.326
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	83.187.056.006	83.187.056.006
Cộng	<u>103.534.657.640</u>	<u>100.164.979.332</u>
19- Doanh thu chưa thực hiện	<u>Ngày 30/06/2019</u>	<u>Ngày 01/01/2019</u>
- Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	9.344.374.439	14.290.280.687
Cộng	<u>9.344.374.439</u>	<u>14.290.280.687</u>

20- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả : Không có

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

V21- Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu :**a- Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu 06 tháng năm 2019**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5
Số dư đầu năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(281.360.367.257)	1.572.354.597
Tăng trong năm trước					-
- Tăng vốn trong năm nay					-
- Lãi năm 2018				33.224.022.356	33.224.022.356
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm trước	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953
Số dư đầu năm nay	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(248.136.344.901)	34.796.376.953
- Lãi Quý I năm 2019 riêng công ty				35.331.704.151	35.331.704.151
-Lãi quý I Xí nghiệp				3.045.700	3.045.700
- Lỗ Quý II năm 2019 riêng công ty				(8.698.850.061)	(8.698.850.061)
-Lãi quý I Xí nghiệp				31.350.109	31.350.109
Số dư cuối ngày 30/06/2019	200.000.000.000	-	82.932.721.854	(221.469.095.002)	61.463.626.852

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

	Toàn Công ty	Toàn Công ty
	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
b - Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu:		
<i>Theo danh sách cổ đông chốt ngày 25/03/2019</i>		
- Vốn góp của Nhà nước 51% VDL	102.000.000.000	102.000.000.000
- Vốn góp của cổ đông Nguyễn Quang Dũng 5,17%	10.349.500.000	10.003.500.000
- Vốn góp của các cổ đông khác 43,83 % VDL	87.650.500.000	87.996.500.000
Cộng	200.000.000.000	200.000.000.000
c - Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận :		
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (nguồn vốn kinh doanh)	Năm 2019	Năm 2018
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	-	-
	200.000.000.000	200.000.000.000
d) Cổ phiếu	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành :	20.000.000	20.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông :	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu ưu đãi		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành :	10.000 đ/CP	10.000 đ/CP
d) Cổ tức		
e) Các quỹ của doanh nghiệp :		
- Quỹ đầu tư phát triển	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
+ Số dư quỹ đầu năm	82.932.721.854	82.932.721.854
+ Tăng trong năm	-	-
+ Giảm trong năm	-	-
+ Số dư quỹ cuối năm	82.932.721.854	82.932.721.854
23- Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
a) Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	529.034,99	637.146,21
b) Nợ khó đòi đã xử lý		
- Phải thu khách hàng	303.509.700	303.509.700

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

VI- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HĐ KINH DOANH :

24- Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp DV (MS 01)	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	360.649.483.924	361.467.693.207
<i>Trong đó :</i>		
+ Doanh thu bán hàng	1.187.202.601	1.832.679.155
+ Doanh thu cung cấp dịch vụ	359.462.281.323	359.635.014.052
26- Doanh thu thuần về BH và cung cấp DV(MS10)	360.649.483.924	361.467.693.207
27- Giá vốn hàng bán (Mã số 11)	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
- Giá vốn của hàng hoá đã bán	1.104.840.063	1.703.339.146
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	330.343.398.266	338.994.187.606
Cộng	331.448.238.329	340.697.526.752
28- Doanh thu hoạt động tài chính (Mã số 21)	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	21.146.430	669.986.196
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	254.662.413	3.147.641.490
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Cộng	275.808.843	3.817.627.686
29- Chi phí tài chính (Mã số 22)	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
- Chi phí lãi vay	9.141.370.533	18.096.805.119
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	-	-
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	188.264.264	382.753.421
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.274.993.049	3.500.564.354
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	14.168.600	113.384.895
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	-
- Chi phí tài chính khác	227.366	112.434
Cộng	10.619.023.812	22.093.620.223
30- Thu nhập khác	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
- Chênh lệch lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	25.894.169.406	-
- Tiền phạt thu được	-	-
- Các khoản khác	122.210.618	187.508
Cộng	26.016.380.024	187.508
31- Chi phí khác	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
Toàn Công ty	Toàn Công ty	
- Chênh lệch lỗ khi nhượng bán TSCĐ	-	59.306.000
- Phạt chậm nộp BHXH, BHYT, BH thất nghiệp	17.920	1.848.118.899
- Các khoản bị phạt	2.746	2.100.000
- Các khoản khác	70.076.735	20.000.287
Cộng	70.097.401	1.929.525.186

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Hồng Bàng - Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho Quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

32- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
a) Chi phí bán hàng	6.251.297.941	5.547.988.073
Hoa hồng phí cho các tàu	6.251.297.941	5.547.988.073
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	11.885.765.409	10.536.724.099
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	643.171.219	568.131.484
Chi phí nhân công	7.933.697.922	7.065.974.172
Chi phí khấu hao tài sản cố định	203.798.272	161.685.126
Thuế, phí, lệ phí	6.000.000	27.082.000
Chi phí trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.475.471.607	1.993.319.477
Chi phí khác bằng tiền	623.626.389	720.531.840
Cộng	18.137.063.350	16.084.712.172
33- Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố :	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
	Toàn Công ty	Toàn Công ty
33.1- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	108.875.171.252	129.061.523.298
- Nhiên liệu	91.603.896.344	106.004.653.238
- Nguyên liệu, vật liệu	17.271.274.908	23.056.870.060
33.2- Chi phí nhân công	46.380.154.559	41.041.964.633
- Tiền lương	38.846.950.030	33.554.912.048
- BHXH	3.042.833.255	2.877.982.134
- Bảo hiểm y tế	373.980.732	321.403.343
- Bảo hiểm thất nghiệp	173.876.186	164.652.336
- Kinh phí công đoàn	347.747.356	328.757.772
- Tiền ăn ca, định lượng, phụ cấp độc hại	3.594.767.000	3.794.257.000
33.3- Chi phí trích lập dự phòng	-	-
33.4- Chi phí khấu hao tài sản cố định	44.247.277.063	47.686.922.420
33.5- Chi phí dịch vụ mua ngoài	145.148.851.080	133.570.175.986
33.6- Chi phí khác bằng tiền	2.432.277.870	3.749.015.441
Cộng	347.083.731.824	355.109.601.778

VII- THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	06 tháng Năm 2019	06 tháng Năm 2018
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ	7.480.000.000	1.940.000.000
- Tiền thu từ đi vay	7.480.000.000	1.940.000.000
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ	31.365.000.000	63.920.000.000
- Tiền trả nợ gốc vay	31.365.000.000	63.920.000.000

VIII- CÁC THÔNG TIN KHÁC**3) NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán quý	Ngày 30/06/2019	Ngày 01/01/2019
Với Công ty mẹ - Tổng công ty Hàng hải Việt Nam		
- Cổ tức phải trả Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	9.400.000.000	9.400.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam	-	1.801.379.706
	06 tháng năm 2019	06 tháng năm 2018
- Phải thu của người mua Tổng cty Hàng hải VN	-	-
Phát sinh trong kỳ:	5.043.019.200	-
Đã thu trong kỳ	5.043.019.200	-
- Phải trả người bán Tổng cty Hàng hải VN	-	3.000.000
Phát sinh trong kỳ:	-	3.000.000
Đã trả trong kỳ:	-	-
THU NHẬP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC	1.187.244.579	778.247.959

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

4) Trình bày doanh thu, chi phí, kết quả SXKD theo từng hoạt động :

Các hoạt động	Quý II năm 2019	06 tháng năm 2019	Quý II năm 2018	06 tháng năm 2018
Vận tải biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	118.701.049.608	258.700.040.623	162.176.824.766	311.693.317.861
- Chi phí	122.883.933.770	249.753.591.188	153.146.608.779	307.847.626.632
- Lợi nhuận	(4.182.884.162)	8.946.449.435	9.030.215.987	3.845.691.229
Thuê tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-	2.377.350.227	10.338.037.727
- Chi phí	-	-	2.295.702.000	9.902.322.000
- Lợi nhuận	-	-	81.648.227	435.715.727
Hoạt động xếp dỡ giao nhận container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	9.403.598.931	16.527.787.279	5.206.493.066	9.771.327.077
- Chi phí	9.198.258.201	16.213.679.813	5.021.831.109	9.492.360.676
- Lợi nhuận	205.340.730	314.107.466	184.661.957	278.966.401
Hoạt động DV nâng hạ Container				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	-	17.600.000	99.962.227
- Chi phí	-	-	223.441.241	378.300.739
- Lợi nhuận	-	-	(205.841.241)	(278.338.512)
Hoạt động Đại lý tàu biển				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	23.350.000	33.350.000	25.500.727	54.562.089
- Chi phí	6.162.688	15.206.291	(4.072.072)	9.603.753
- Lợi nhuận	17.187.312	18.143.709	29.572.799	44.958.336
Đại lý giao nhận, vận tải hàng Cont				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	3.359.114.457	6.674.180.219	4.944.860.454	9.383.403.363
- Chi phí	3.387.384.630	6.737.049.089	4.978.897.333	10.195.123.823
- Lợi nhuận	(28.270.173)	(62.868.870)	(34.036.879)	(811.720.460)
Hoạt động cho thuê văn phòng và nhà làm việc				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	445.500.690	958.794.448	491.662.526	923.371.972
- Chi phí	144.291.431	144.291.431	108.877.000	108.877.000
- Lợi nhuận	301.209.259	814.503.017	382.785.526	814.494.972
Hoạt động thương mại				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	528.814.400	1.187.202.601	919.868.067	1.832.679.155
- Chi phí	522.967.650	1.104.840.063	876.534.174	1.703.339.146
- Lợi nhuận	5.846.750	82.362.538	43.333.893	129.340.009

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP


Địa chỉ : Số 1 Hoàng Văn Thụ - Phường Minh Khai - Quận Hồng Bàng - TP. Hải Phòng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý II năm 2019 kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019

Các hoạt động	Quý II năm 2019	06 tháng năm 2019	Quý II năm 2018	06 tháng năm 2018
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng rời (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	39.019.744.412	71.283.314.134	1.404.501.340	12.318.899.824
- Chi phí	38.619.001.994	70.470.329.772	1.406.516.480	12.155.415.348
- Lợi nhuận	400.742.418	812.984.362	(2.015.140)	163.484.476
Hoạt động dịch vụ vận tải hàng cont (BQL)				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	1.599.401.079	2.179.371.988	2.065.588.383	3.345.707.246
- Chi phí	1.583.300.565	2.160.493.595	2.114.129.912	3.401.281.002
- Lợi nhuận	16.100.514	18.878.393	(48.541.529)	(55.573.756)
Hoạt động SXKD khác				
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	629.512.778	3.105.442.632	838.547.726	1.706.424.666
- Chi phí	534.174.782	2.985.820.437	833.371.159	1.587.988.805
- Lợi nhuận	95.337.996	119.622.195	5.176.567	118.435.861
Hoạt động tài chính				
- Doanh thu tài chính	226.280.909	275.808.843	3.417.035.961	3.817.627.686
- Chi phí tài chính	5.846.592.642	10.619.023.812	12.340.749.475	22.093.620.223
- Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	(5.620.311.733)	(10.343.214.969)	(8.923.713.514)	(18.275.992.537)
Hoạt động khác				
- Thu nhập hoạt động khác	122.210.618	26.016.380.024	182.285	187.508
- Chi phí hoạt động khác	9.481	70.097.401	1.927.425.045	1.929.525.186
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	122.201.137	25.946.282.623	(1.927.242.760)	(1.929.337.678)

NGƯỜI LẬP


 Nguyễn Bảo Ngọc

KẾ TOÁN TRƯỞNG


 Trần Thị Thanh Hương
